

Thọ Xuân, ngày 12 tháng 01 năm 2021

Số: 09/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị L - Sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn L. L. N 2, xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Trịnh Xuân T - Sinh năm 1989; Trú tại: Thôn L. L. N 2, xã Trường Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Trịnh Xuân T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: chị Phan Thị L và anh Trịnh Xuân T thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Phan Thị L và anh Trịnh Xuân T xác nhận vợ chồng có một con chung là Trịnh Khả H - Sinh ngày 08/5/2020. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận, thống nhất giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ nay cho đến khi con

chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của cơ quan có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: chị Phan Thị L và anh Trịnh Xuân T tự thỏa thuận, phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phan Thị L và anh Trịnh Xuân T thỏa thuận, thống nhất, chị L chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0006293 ngày 22/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân trước đây, chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân;
- UBND xã T. X, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng